

Bản án số: **596/2020/HC-PT**

Ngày: 26/6/2020

V/v Khởi kiện quyết định hành chính
về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán:

1. Ông Tôn Văn Trung

2. Ông Trần Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Vân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Nguyễn Văn Lâm- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2020 về “Khiếu kiện Thông báo nộp thuế”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2728/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Kim H – sinh năm 1973

Địa chỉ HKTT: 122/1 đường T, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Trung D, sinh năm 1967 (có mặt tại phiên tòa);

(Văn bản ủy quyền số 004132, quyền số 02 TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 23/02/2019)

2. Người bị kiện: Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: 945 đường X, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thanh T – Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công Kh - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận T, TP. Hồ Chí Minh.(có mặt tại phiên tòa).

(Theo Giấy ủy quyền số 5142/GUQ-CCT ngày 17/10/2019)

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 2/2/63 đường Y, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Trí Trân T – Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 28/6/2018 bà Nguyễn Thị Kim H nhận được Thông báo nộp thuế số 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Thông báo cho bà Nguyễn Thị Kim H nộp thuế tiền sử dụng đất với diện tích 1.993,4 m², loại đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 29, tờ bản đồ 99, tọa lạc tại: Số 2 đường N, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền phải nộp: 30.900.480 đồng.

Sau khi nhận được Thông báo nộp thuế của Chi cục thuế quận T thì bà H không đồng ý với cách tính thuế của Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà cho rằng cách tính thuế của Chi cục thuế quận T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà. Bởi lẽ, Chi cục thuế quận T đã áp dụng hạn mức đất ở tại đô thị là 160 m² đối với trường hợp của bà H là không phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2011/NĐ-CP, ngày 01/7/2011 của Chính Phủ. Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế với trường hợp đất ở đang sử dụng trước ngày 01/01/2012 được xác định như sau: Trường hợp tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có quy định về hạn mức công nhận đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì áp dụng hạn mức công nhận đất ở để làm căn cứ tính thuế. Căn cứ quy định trên, thì bà H chỉ phải nộp: 1.993,4 m² x 0,03% x 12.800.000 đồng (giá đất) = 7.660.000 đồng.

Vì vậy người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Thông báo nộp thuế số 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Công văn số 5748/CCT-TBTK ngày 08/11/2019 và tại phiên tòa, người bị kiện Chi cục Thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Võ Thanh T là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Huỳnh Công Kh trình bày: Căn cứ vào các văn bản qui phạm pháp luật Chi cục thuế giải trình việc ban hành Thông báo thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục thuế quận T là hoàn toàn đúng qui định pháp luật cả về hình thức và nội dung.

Việc xác nhận hạn mức tính thuế trên tờ khai sử dụng đất phi nông nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường Ph để làm căn cứ tính thuế và phát hành Thông báo thuế.

Căn cứ tiết 1.2 khoản 1 Điều 16 Thông tư 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài Chính quy định hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp qui định: “Trường hợp phát sinh các sự việc dẫn đến sự thay đổi về người nộp thuế thì người nộp thuế mới phải kê khai và nộp hồ sơ khai thuế theo qui định tại Thông tư này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh các sự việc trên; Trường hợp phát sinh các yếu tố làm thay đổi số thuế phải nộp (trừ trường hợp thay đổi giá 1 m² đất tính thuế) thì người nộp thuế phải kê khai và nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh các yếu tố làm thay đổi số thuế phải nộp”.

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh qui định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qui định về hạn mức đất ở trên địa bàn quận T không quá 160 m²/hộ.

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân: quận T không quá 160 m²/hộ.

Căn cứ Điều 7 Thông tư 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ tài chính qui định Hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định về thuế suất tính thuế. Chi cục thuế quận T ban hành Thông báo thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 27342/TB ngày 24/5/2018 với số tiền 30.900.480 đồng là hoàn toàn đúng qui định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Trí Trân T – Chủ tịch trình bày: Ủy ban nhân dân phường Ph đã có văn bản trả lời việc hạn mức quy định trên địa bàn quận T và có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 11/11/2019, Tòa án nhân dân quận T đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, 206 và 348 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu hủy Thông báo số 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục Thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “Thông báo nộp thuế đất phi nông

nghiệp”. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/11/2019, bà H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Thông báo số 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục Thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “*Thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp*”. Lý do kháng cáo: Chi cục Thuế quận T áp dụng không đúng quy định của pháp luật tính thuế sai cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của bà H có ông Lê Trung D trình bày: Người kháng cáo bà H yêu cầu giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm. Lý do: Chi cục thuế quận T đã áp dụng hạn mức đất ở tại đô thị là 160 m² đối với trường hợp của bà H là không phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/7/2011 của Chính Phủ. Lẽ ra Chi cục thuế quận T phải áp dụng Quyết định 225/2005/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003 chứ không áp dụng Quyết định 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế với trường hợp đất ở đang sử dụng trước ngày 01/01/2012 được xác định như sau: Trường hợp tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có quy định về hạn mức công nhận đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì áp dụng hạn mức công nhận đất ở để làm căn cứ tính thuế. Căn cứ quy định trên, thì bà H chỉ phải nộp: $1.993,4 \text{ m}^2 \times 0,03\% \times 12.800.000 \text{ đồng}$ (giá đất) = 7.660.000 đồng.

Người bị kiện có ông Võ Thanh T là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Huỳnh Công Kh trình bày: Căn cứ vào các văn bản qui phạm pháp luật Chi cục thuế giải trình việc ban hành Thông báo thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục thuế quận T là hoàn toàn đúng qui định pháp luật cả về hình thức và nội dung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có người đại diện theo pháp luật là ông Trần Trí Trân T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tổ tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Về nội dung: Việc Chi cục Thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 27342/TB ngày

24/5/2018 về việc: “*Thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp*” là đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ để hủy theo yêu cầu của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét đơn của người kháng cáo gửi trong hạn luật định, nên chấp nhận.

[2] Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa của đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phù hợp khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số: 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục Thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do: Chi cục Thuế quận T áp dụng không đúng quy định của pháp luật tính thuế sai cho bà.

Xét, ngày 28/6/2018 bà Nguyễn Thị Kim H nhận được Thông báo nộp thuế số 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Thông báo cho bà Nguyễn Thị Kim H nộp thuế tiền sử dụng đất với diện tích 1.993,4 m², loại đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 29, tờ bản đồ 99, tọa lạc tại: Số 2 đường N, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền phải nộp: 30.900.480 đồng. Sau khi nhận được Thông báo nộp thuế của Chi cục thuế quận T thì bà H không đồng ý với cách tính thuế của Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H cho rằng cách tính thuế của Chi cục thuế quận T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà. Bởi lẽ, Chi cục thuế quận T đã áp dụng hạn mức đất ở tại đô thị là 160 m² đối với trường hợp của bà H là không phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 11/11/2011 của Chính Phủ. Lẽ ra Chi cục thuế quận T phải áp dụng Quyết định 225/2005/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003 chứ không áp dụng Quyết định 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế với trường hợp đất ở đang sử dụng trước ngày 01/01/2012 được xác định như sau: Trường hợp tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có quy định về hạn mức công nhận đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì áp dụng hạn mức công nhận đất ở để làm căn cứ tính thuế. Căn cứ quy định trên, thì bà H chỉ phải nộp: $1.993,4 \text{ m}^2 \times 0,03\% \times 12.800.000 \text{ đồng (giá đất)/m}^2 = 7.660.000 \text{ đồng}$.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Kim H đã được Ủy ban nhân dân quận T công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 28/01/2011 với diện tích đất ở là 1.993,4 m². Việc bà H được công nhận diện tích đất ở 1.993,4 m² trước ngày 01/01/2012 thuộc trường hợp quy định tại điểm b1 khoản 1.4 Điều 5 Thông tư 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, có quy định trường hợp đất ở đang sử dụng trước ngày 01/01/2012 thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế được xác định như sau: *“Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có quy định về hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở và diện tích đất ở trong Giấy chứng nhận được xác định theo hạn mức công nhận đất ở thì áp dụng hạn mức công nhận đất ở để làm căn cứ tính thuế. Trường hợp hạn mức công nhận đất ở đó thấp hơn hạn mức giao đất ở hiện hành thì áp dụng hạn mức giao đất ở hiện hành để làm căn cứ tính thuế;”*

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các Quyết định 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001; Quyết định 70/QĐ-UB ngày 07/01/2014 (thay thế Quyết định 64/2001/QĐ-UB, Quyết định 225/2005/QĐ-UBND), Quyết định 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 (thay thế Quyết định 70/QĐ-UB) của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn thành phố vẫn áp dụng hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận T là không quá 160 m²/hộ.

Tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định về thuế suất đối với đất ở bao gồm cả trường hợp sử dụng để kinh doanh áp dụng theo biểu thuế lũy tiến từng phần như sau:

Bậc Thuế	Diện tích đất tính thuế (m ²)	Thuế suất (%)
1	Diện tích trong hạn mức	0,03
2	Phần diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức	0,07
3	Phần diện tích vượt trên 3 lần hạn mức	0,15

Tại Điều 1 Quyết định số 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hạn mức đất ở tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh khu vực quận T1 là không quá 160 m²/hộ.

Tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UB ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh v/v: Ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019. Đường N, có giá: 12.800.000 đồng/m².

Đối chiếu với các quy định trên, thì cách tính thuế được thực hiện như sau:

• 160 m^2 (diện tích trong hạn mức) $\times 0,03\% \times 12.800.000 \text{ đồng/m}^2 = 614.400 \text{ đồng}$. (1)

• 480 m^2 (diện tích vượt quá 3 lần hạn mức) $\times 0,07\% \times 12.800.000 \text{ đồng/m}^2 = 4.300.800 \text{ đồng}$. (2)

• $1.353,4 \text{ m}^2$ (phần diện tích vượt trên 3 lần hạn mức) $\times 0,15\% \times 12.800.000 \text{ đồng/m}^2 = 25.985.280 \text{ đồng}$. (3)

Như vậy, tổng số tiền sử dụng đất mà bà H phải nộp là:

(1) + (2) + (3) = 30.900.480 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim H cho rằng Chi cục Thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phải áp dụng Quyết định 225/2005/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003, vậy số tiền sử dụng đất mà bà nộp: 7.660.000 đồng là không có cơ sở như đã phân tích ở trên. Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận yêu cầu hủy Thông báo số: 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục Thuế quận T về việc: “Thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp” của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim H. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nên giữ nguyên.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu hủy Thông báo số 27342/TB ngày 24/5/2018 của Chi cục Thuế quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “*Thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp*”.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2017/0012988 ngày 15/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2019/0020283 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 309, Điều 311 của Luật tổ tụng hành chính thì Người được thi hành án hành chính, Người phải thi hành án hành chính có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 10, 11, 12 và 15 của Nghị định số: 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 312 của Luật tổ tụng hành chính.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy